

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2025/DS - PT

Ngày: 23 - 7- 2025

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: bà Bạch Thị Hồng Hoa

ông Vũ Văn Túc

- **Thư ký phiên toà:** bà Lò Phương Anh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** bà Khả Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLPT- DS ngày 12/02/2025 về việc Tranh chấp thừa kế tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS - ST ngày 19 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Phú Thọ) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2025/QĐ-PT ngày 15/5/2025, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Bà Đinh Thị V, sinh năm 1958. Địa chỉ: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn R, xã A, tỉnh Phú Thọ).

1.2. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1961 (đã chết ngày 17/01/2025). *Người kế thừa quyền và tổ tụng của bà T:* chị Quách Thị T1, sinh năm 1983; anh Quách Ngọc S, sinh năm 1992; chị Quách Thanh T2, sinh năm 1993. Cùng địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn L, xã A, tỉnh Phú Thọ).

Người đại diện theo ủy quyền cho chị T1, anh S, chị T2: bà Đinh Thị T3, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn T, xã A, tỉnh Phú Thọ).

1.3. Bà Đinh Thị T4, sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn L, xã A, tỉnh Phú Thọ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T4: bà Đinh Thị V. sinh năm 1958. Địa chỉ: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn R, xã A, tỉnh Phú Thọ).

1.4. Bà Đinh Thị T3, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn T, xã A, tỉnh Phú Thọ).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đinh Công L, sinh năm 1971. Địa chỉ: ngõ D, thôn H, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội (ngõ D, thôn H, xã D, thành phố Hà Nội).

2.2. Anh Đinh Công K, sinh năm 1986. Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn L, xã A, tỉnh Phú Thọ).

Người đại diện theo ủy quyền của anh K: ông Đỗ Xuân T5, sinh năm 1977. Địa chỉ: số G H, quận T, thành phố Hà Nội (số G H, phường K, thành phố Hà Nội); bà Phùng Thị Phương T6, sinh năm 1994. Địa chỉ: căn hộ A Tòa F, tổ dân phố số I, phường T, quận N, thành phố Hà Nội (nay là căn hộ 15A Tòa F201, tổ dân phố số I, phường T, thành phố Hà Nội).

3 Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1966; anh Đinh Công T7, sinh năm 1987; chị Hà Thị K1 và chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn L, xã A, tỉnh Phú Thọ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, anh T7, chị O: anh Đinh Công K, sinh năm 1986. Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (thôn L, xã A, tỉnh Phú Thọ).

3.2. Bà Lưu Thị G, sinh năm 1978; anh Đinh Công Thái H, sinh năm 1998; anh Đinh Công Thái B1, sinh năm 2008.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G, anh H, anh B1: ông Đinh Công L, sinh năm 1971. Cùng địa chỉ: ngõ D, thôn H, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội (ngõ D, thôn H, xã D, thành phố Hà Nội).

3.3. Ủy ban nhân dân huyện L. *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:* Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Phú Thọ.

3.4. Chi nhánh Văn phòng Đ.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đinh Công L, anh Đinh Công K và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Công T7.

(Tại phiên tòa, bà V, bà T3, chị T1, ông L, bà G có mặt. Anh T5, bà T6, anh K, anh T7, bà T4, anh S, chị T2, bà B, chị K1, chị O, anh H, anh B1 vắng mặt. Ủy ban nhân dân xã A và Chi nhánh văn phòng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, các nguyên đơn trình bày:

Năm 1957, cụ Đình Công S1 và cụ Bùi Thị T8 kết hôn và sinh được 06 người con là: Đình Thị V, Đình Công H1, Đình Thị T, Đình Thị T4, Đình Thị T3 và Đình Công L. Trước khi sinh con, cụ S1 và cụ T8 khai hoang được 02 thửa đất tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Phú Thọ). Từ khi khai hoang đến nay, diện tích đất giữ nguyên, không có sự biến động, tranh chấp. Ngày 09/11/1992, cụ T8 chết. Ngày 15/5/1993, cụ S1 chết. Hai cụ không để lại di chúc. Năm 2001, ông Đình Công H1 và ông Đình Công L tự kê khai, lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không bàn bạc với các bà. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 và ông L đối với toàn bộ đất cha mẹ để lại. Ngoài ra, năm 2014 ông Đình Công H1 và ông Đình Công L còn nhận tiền bồi thường do một phần diện tích của 02 thửa đất nêu trên bị thu hồi mà không thông báo tới các bà. Năm 2016, ông Đình Công H1 chết, đến nay ông Đình Công L và hai con của ông Đình Công H1 là anh Đình Công K và anh Đình Công T7 đang quản lý và sử dụng di sản hai cụ để lại. Năm 2019, các bà đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản do cụ T8 và cụ S1 để lại, cụ thể: 1.625m² đất được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/6/2001 mang tên ông Đình Công H1 và 2.118m² đất được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đình Công L; phân chia tiền đền bù cải tạo do nâng cấp Quốc lộ B, ảnh hưởng đến đất của cụ S1, cụ T8 để lại, theo đó anh K đã được nhận tiền đền bù là 245.916.500đ và ông L đã được nhận tiền đền bù là 32.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn rút yêu cầu không đề nghị phân chia số tiền được đền bù cải tạo do nâng cấp Quốc lộ B.

Bị đơn ông Đình Công L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thị G, anh Đình Công Thái H và anh Đình Công Thái B1 trình bày: nguồn gốc đất là của bố mẹ ông để lại. Bố mẹ ông sinh được 06 người con là H1, V, T, T4, T3 và L, sinh sống trên mảnh đất tại thôn L, xã P, huyện L. Trước năm 1987, các anh chị đã lập gia đình và ở riêng. Trên mảnh đất chỉ có bố mẹ, ông và bà T4. Năm 1991, mẹ ông chết. Năm 1992 bố ông chết. Thời điểm làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do anh chị làm thủ tục cho ông vì lúc đó ông ở trong miền N. Năm 2018 ông mới cắt khẩu về xã D, huyện T, thành phố Hà Nội sinh sống. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Nhà nước đã cấp cho ông thì là của ông, con gái theo phong tục của địa phương là “xuất ngoại tông phu”. Do bà T4 và ông cùng sinh sống tại thôn L, xã P, huyện L thì ông vẫn có

trách nhiệm với bà T4. Ngày 11/9/2020, ông L có ý kiến cho rằng cụ S1 và cụ T8 là người khai phá và sử dụng đất tại thôn L trước năm 1960. Tuy nhiên, các cụ chỉ khai phá được một phần diện tích (không biết cụ thể là bao nhiêu) phía bên trong, từ ngôi nhà hiện nay thuộc phần đất của ông L. Sau đó, các cụ già yếu, các con gái đều đi lấy chồng từ năm 1980 nên việc tiếp tục khai hoang là do bố mẹ anh K và ông L thực hiện. Hiện nay thửa đất có diện tích 2.118m² đã được cấp cho ông Đinh Công L có một phần thuộc diện tích cụ S1 và cụ T8 khai hoang. Việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định.

Bà G cho biết: năm 1996, bà và ông Đinh Công L kết hôn, sau khi cưới vợ chồng sống trong miền N. Năm 2009, mới chuyển về sống tại huyện T, thành phố Hà Nội. Việc các chị của ông L khởi kiện, bà không nhất trí vì Nhà nước đã cấm cho gia đình bà, về nguồn gốc bà không nắm được.

Bị đơn ông Đinh Công K đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Công T7 và bà Bùi Thị B trình bày: yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với diện tích 1.625m² đất không phải là di sản thừa kế của cụ T8 và cụ S1 mà là quyền sử dụng hợp pháp của gia đình anh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đinh Công H1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 19/6/2001, trong đó có 400m² đất ở và 1.225m² đất vườn, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp cấp theo hiện trạng sử dụng đất và không có tranh chấp của hộ, không thuộc trường hợp tặng cho, mua bán hay chia di sản thừa kế. Bố anh là ông Đinh Công H1 đã chết ngày 28/12/2016, hiện nay anh là chủ hộ gia đình. Mặc dù, ngày 09/2/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 08/QĐ – UBND có nội dung thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vẫn còn nguyên giá trị vì lần cuối cùng là ngày 25/9/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 1252/QĐ – UBND với nội dung Thu hồi, hủy bỏ quyết định 08/QĐ – UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Công H1. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn do người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự hoặc bác yêu cầu khởi kiện do các yêu cầu này không có đủ căn cứ về chia di sản thừa kế. Ngày 11/9/2020, anh Đinh Công K có ý kiến cho rằng cụ S1 và cụ T8 là người khai phá và sử dụng đất tại thôn L trước năm 1960. Tuy nhiên, các cụ chỉ khai phá được một phần diện tích (không biết cụ thể là bao nhiêu) phía bên trong từ ngôi nhà hiện nay thuộc phần đất của ông L. Sau đó, các cụ già yếu, các con gái đều đi lấy chồng từ năm 1980 nên việc tiếp tục khai hoang là do bố mẹ anh và ông L thực

hiện. Hiện nay thửa đất có diện tích 1.625m² đã được cấp cho ông Đinh Công H1 là diện tích không thuộc cụ S1 và cụ T8 khai hoang. Việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định.

Chị Nguyễn Thị O: cuối năm 2013, chị và anh K kết hôn, anh chị về sống chung với bố chồng là ông Đinh Công H1, năm 2014 anh chị có xây dựng nhà tại thửa đất của bố chồng.

Bà Bùi Thị B: bà kết hôn với ông H1 vào năm 1982 và về sống chung với gia đình nhà chồng tại thôn L, xã P, được bố mẹ chia cho mảnh đất đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như hiện giờ. Lúc đầu là chưa có giấy tờ gì đến năm 2001 vợ chồng bà tách đất làm sổ đỏ đứng tên hộ ông Đinh Công H1, có sự chứng kiến của các em chồng, không ai có ý kiến gì. Việc ký thủ tục kê khai bà không nhớ. Nay đất thuộc về con trai bà, bà đã cho các con, bà sẽ ủy quyền cho anh K. Quá trình giải quyết vụ án, bà B có ý kiến nếu Tòa án vẫn xác định tài sản tranh chấp là di sản thừa kế thì phần di sản ông H1 được hưởng, phần của bà được hưởng từ ông H1, bà chuyển sang cho anh K và anh T7.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Đinh Công K, ông Đỗ Xuân T5 và bà Phùng Thị Phương T6 vắng mặt nhưng có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án: Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, bà T6, bà T4, bà T3 khi xác định tài sản của Đinh Công H1 là di sản thừa kế của hai cụ Đinh Công S1 và Bùi Thị T8 khai hoang là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đinh Công K. Bởi các lý do: không đủ căn cứ để xác định thửa đất đang tranh chấp là của cụ S1, cụ T8 để lại vì thửa đất trên có nguồn gốc là do cụ S1, cụ T8 khai hoang một phần diện tích còn phần lớn diện tích thực tế như hiện nay là do ông H1 cùng em trai là ông L tự mở rộng, tôn tạo. Theo trả lời của Ủy ban nhân dân xã P, trước khi ông H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sổ mục kê tại Ủy ban nhân dân xã P từ năm 2000 trở về trước danh sách sử dụng đất của các hộ không có; từ năm 2000 thì mới có bản kê khai của hộ ông Đinh Công H1 và ông Đinh Công L; đối với bản đồ địa chính đất của thửa đất của hai hộ này cũng không có; thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai hộ cơ bản tự kê khai để được cấp giấy, còn ai là người kê khai thì không nắm được. Như vậy, trong quá trình sử dụng đất, cụ S1 và cụ T8 khi còn sống đã không thực hiện đầy đủ trách nhiệm phải đăng ký theo quy định của Luật Đất đai 1987 đối với phần diện tích đất mà mình trực tiếp khai hoang, sử dụng. Thời điểm năm 2000, ông H1 sử dụng đất và đi kê khai, đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và bắt đầu có tên trong hồ sơ địa chính tại địa phương là đúng với Luật Đất đai năm 1993; Việc Tòa án

cấp sơ thẩm căn cứ vào tài liệu là “phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc sử dụng đất của khu dân cư” để làm cơ sở xác định toàn bộ diện tích đất mà do ông L, anh K và anh T7 đang quản lý là đất của cụ Đình Công S1, cụ Bùi Thị T8 khai hoang để lại là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm sai sót trong việc đánh giá và xác định diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích thực tế. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đình Công H1 thuộc trường hợp cấp theo hiện trạng sử dụng đất, không có tranh chấp của hộ gia đình, không thuộc trường hợp được tặng cho, mua bán hay chia di sản thừa kế. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình (nay là tỉnh Phú Thọ) giải quyết, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 19 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Phú Thọ) quyết định: áp dụng các Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660, Điều 688 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội; Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 217, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, nay tuyên xử như sau:

Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường liên quan đến đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân huyện L chi trả mà ông Đình Công L, ông Đình Công K đã nhận, do các nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung này tại phiên tòa.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của các nguyên đơn

Xác nhận toàn bộ thửa đất số 273 và thửa đất số 274, tờ bản đồ 51 thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có diện tích 4.996m² là di sản thừa kế do các cụ Đình Công S1, Bùi Thị T8 để lại.

Chia di sản của các cụ Đình Công S1, Bùi Thị T8 như sau:

Chia cho bà Đình Thị V 626,4m² đất bám trục đường Q, trong đó có 133m² đất ở, diện tích còn lại là đất vườn (có phụ lục kèm theo bản án này, ký hiệu L4);

Bà Đình Thị V được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia và phải thanh toán cho anh Đình Công K, chị Nguyễn Thị O 38.951.700 đồng.

Chia cho anh Đình Công K, anh Đình Công T7 phần di sản mà nếu ông Đình Công H1 còn sống sẽ được hưởng, có tổng diện tích đất là 987,9m², trong đó:

Anh Đinh Công K được hưởng 603,8m² đất bám trục đường Q, trong đó 66,5m² đất ở, còn lại là đất vườn (có trích lục kèm theo bản án này, ký hiệu L3);

Anh Đinh Công K, chị Nguyễn Thị O được sở hữu tài sản trên đất được chia và không phải thanh toán cho ai phần giá trị tài sản chênh lệch và giá trị tài sản có trên đất.

Anh Đinh Công T7 được hưởng 384,1m² đất, gồm 66,5m² đất ở, phần còn lại là đất vườn, trong đó có 184,1m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A và 200m² đất bám trục đường xóm (có trích lục kèm theo bản án này, ký hiệu L3.1 và L7).

Anh Đinh Công T7, chị Hà Thị K1 được quyền sở hữu tài sản trên đất được chia và không phải thanh toán cho ai phần giá trị tài sản có trên đất.

Chia cho bà Đinh Thị T 785,7m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A; trong đó có 133m² đất ở, số còn lại là đất vườn (có trích lục kèm theo bản án này, ký hiệu L1).

Bà Đinh Thị T được quyền sở hữu đối với tài sản ông Đinh Công L, bà Lưu Thị G gây dựng trên đất và phải thanh toán cho ông L, bà G 60.000.000đ giá trị tài sản có trên đất.

Chia cho bà Đinh Thị T4 869,7m² đất bám trục đường xóm; trong đó có 133m² đất ở, số còn lại là đất vườn (có trích lục kèm theo bản án này, ký hiệu L6).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đinh Công L, bà Lưu Thị G, theo đó, bà Đinh Thị T4 được quyền sở hữu tài sản hiện có trên đất và không phải thanh toán cho ông L, bà G giá trị tài sản tồn tại trên đất.

Chia cho bà Đinh Thị T3 632,8m² đất bám trục đường Q, trong đó có 133m² đất ở; số còn lại là đất vườn (có trích lục kèm theo bản án này, ký hiệu L5).

Bà Đinh Thị T3 được quyền sở hữu tài sản có trên đất và phải thanh toán cho anh Đinh Công T7 94.000.000đ giá trị nhà anh T7 xây dựng trên đất và thanh toán cho anh Đinh Công K, chị Nguyễn Thị O 10.000.000đ giá trị tài sản khác có trên đất.

Chia cho ông Đinh Công L 793,5m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A và 300m² bám trục đường xóm; trong đó có 133m² đất ở, diện tích còn lại là đất vườn (có trích lục kèm theo bản án này, ký hiệu L2 và L8).

Ông Đinh Công L, bà Lưu Thị G được sở hữu tài sản tồn tại trên đất được chia và không phải thanh toán cho ai giá trị tài sản chênh lệch và giá trị tài sản có trên đất.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ; Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Đinh Công H1 (Số R 327502; số vào sổ 01830 QSDĐ/H-

UBND ngày 19/6/2001); thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Đinh Công L (Số R 327538; sổ vào sổ 01866 QSDĐ/H-UBND ngày 19/6/2001); thực hiện việc cấp lại GCNQSDĐ phù hợp với bản án của Tòa án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/7/2024, anh Đinh Công K và anh Đinh Công T7 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị T4 và bà Đinh Thị T3. Ngày 30/7/2024, ông Đinh Công L kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đinh Công K và anh Đinh Công T7 do đã được triệu tập hợp lệ hai lần trở lên nhưng vắng mặt không có lý do đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Công K và anh Đinh Công T7, sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí mà anh K và anh T7 đã nộp.

Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có di chúc để tiến hành việc chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đinh Công S1, bà Bùi Thị T8, các con của ông Đinh Công H1 là có căn cứ. Xét về số liệu tính toán diện tích đất ở sau khi có sự biến động về thu hồi đất, cũng như việc phân chia có sự chênh lệch nhỏ chưa khớp, cần điều chỉnh lại để đảm bảo tính công bằng cũng như đảm bảo cho công tác thi hành án. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị bác kháng cáo của ông Đinh Công L, Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Phú Thọ). Về án phí, do Bản án bị sửa nên ông L không phải nộp án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là 02 thửa đất tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Phú Thọ). Tòa án nhân dân huyện L đã xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp về thừa kế tài sản để thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện L không ghi căn cứ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự là thiếu sót. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung tại phần quyết định.

[1.2]. Đơn kháng cáo của ông L, anh K và anh T7 trong hạn luật định, hợp lệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Về tư cách tham gia tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, xác định chồng và con của các nguyên đơn là bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị T, bà Đinh Thị T3 không có quyền lợi liên quan đến vụ án, những người này cũng đã có đơn từ chối tham gia tố tụng song cấp sơ thẩm vẫn xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

Đối với tư cách tham gia tố tụng của bà Đinh Thị T, xét thấy: ngày 17/01/2025, bà T chết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T là chồng và các con song chồng của bà T là ông Quách Văn B2 đã chết ngày 08/5/2021 nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T bao gồm các con là chị Quách Thị T1, anh Quách Ngọc S và chị Quách Thanh T2. Cấp phúc thẩm đã đưa chị T1, anh S và chị T2 tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T.

[1.4]. Tại phiên tòa, bà V, bà T3, chị T1, ông L, bà G có mặt. Anh T5, bà T, anh K, anh T7, bà B, chị K1, chị O vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Bà T4, anh S, chị T2, anh H, anh B1 vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Ủy ban nhân dân xã A và Chi nhánh văn phòng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.5]. Người đại diện theo ủy quyền của anh K, anh T7 và anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thì bị coi như từ bỏ

quyền kháng cáo. Theo quy định khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Công K và anh Đinh Công T7.

[2]. Về nội dung

Xét kháng cáo của ông Đinh Công L về việc không nhất trí với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quyền sử dụng đất đang tranh chấp:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên ông Đinh Công L và ông Đinh Công H1 thì các thửa đất tranh chấp chưa có tên sổ thửa. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để xác định thửa đất tranh chấp là thửa đất số 273 và thửa đất số 274. Tại Công văn số 320/CV - CNVPĐKĐĐ ngày 15/4/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ trả lời theo Công văn số 98/CV - TA ngày 26/2/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình có ý kiến việc đánh số thửa được quy định tại Thông tư 25/2014/TT - BTNMT nay là Thông tư 26/2024/TT – BTNMT quy định về đánh số thửa đã có biến động về ranh giới và lấy số thửa cuối cùng của tờ bản đồ địa chính được cộng thêm một. Theo bản đồ địa chính cũng như bản trích đo cung cấp cho Tòa án tỉnh ngày 15/4/2025, xác định thửa tranh chấp là thửa đất số 124 và thửa đất số 127, tờ bản đồ 51 tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn L, xã A, tỉnh Phú Thọ).

Ông L kháng cáo cho rằng đây là tài sản do ông L khai hoang cùng với ông H1 và bà T4, chỉ có một phần diện tích có nguồn gốc là của cụ S1 và cụ T8. Xét thấy, theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nguồn gốc của mảnh đất đang tranh chấp là từ năm 1960, cụ S1 và cụ T8 khai hoang trên diện tích đất tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đến năm 2000, ông H1 và ông L tự kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản thân ông L khẳng định là không được làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân xã xác nhận việc cấp giấy chứng nhận trên cơ sở các hộ tự kê khai do trước năm 2000 sổ mục kê tại Ủy ban nhân dân xã P sử dụng đất của các hộ không có. Quá trình giải quyết, Ủy ban nhân dân xã P đã lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc đất tranh chấp. Kết quả cho thấy, toàn bộ diện tích đất thuộc thửa đất số 124 và thửa đất số 127, tờ bản đồ 51 mà ông L và anh K, anh T7 đang quản lý là đất của hai cụ Đinh Công S1 và Bùi Thị T8 khai hoang và là di sản thừa kế do hai cụ để lại, sự việc này và phù hợp với lời khai của các nguyên đơn cũng như chính lời khai của ông L, anh K, anh T7 và bà B cũng thừa nhận việc này nhưng phía ông

L, anh K, anh T7 cho rằng cụ S1 và cụ T8 chỉ khai phá một phần diện tích còn lại là do ông L và ông H1 tôn tạo và mở rộng thêm, tại phiên tòa phúc thẩm, lúc ông L khai ông và vợ chồng ông H1 khai hoang từ năm 1985, thời điểm đó ông L mới có 14 tuổi, lúc thì ông L khai từ năm 1987, bố mẹ cụ T8 và cụ S1 đón ông H1 về để chăm sóc do ông H1 mắc bệnh tâm thần, bà B không về ở cùng ông H1, thời điểm đó chỉ có ông, ông H1 và bà T4 còn lại các chị gái khác đã đi lấy chồng, đến năm 1994 ông L đi làm ăn ở M mãi đến năm 2009 mới trở về Bắc, năm 2014 anh K mới về ở trên đất để chăm sóc ông H1 những lời khai này càng chứng minh 02 thửa đất nêu trên là của cụ S1 và cụ T8 để lại. Ngoài lời khai trên ông L không đưa ra được thêm các tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc mở rộng, tôn tạo thêm diện tích đất. Như vậy, có căn cứ xác định toàn bộ thửa đất số 124 và thửa đất số 127 là di sản thừa kế do cụ S1, cụ T8 để lại. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đình Công H1 thì thửa đất số 127 có diện tích là 1.625m² đất (trong đó có 400m² đất ở và 1.225m² đất vườn); cấp cho ông Đình Công L thì thửa đất 124 có diện tích là 2.118m² đất (trong đó có 400m² đất ở và 1.450m² đất vườn và 268m² đất hành lang giao thông). Tổng diện tích của cả hai thửa là 3.743m². Năm 2014, do Ủy ban nhân dân huyện L có cải tạo, nâng cấp Quốc lộ B nên đã thu hồi thửa đất 127 diện tích 42,2m² đất ở và 90.3m² đất vườn, thu hồi thửa đất 124 diện tích 12,80m² đất ở. Do đó, tổng diện tích còn lại của hai thửa là 3.597,9m² (trong đó có 745m² đất ở và 2.852,7m² đất vườn). Theo biên bản trích đo do Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cho Tòa án cấp sơ thẩm thì diện tích của hai thửa (số 124 và số 127) là 4.996m². Tại cấp phúc thẩm, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đ diện tích hai thửa chỉ còn là 4.981,4m² (trong đó có 745m² đất ở và 4.236,4m² đất vườn) vì các thửa đất đã chia cho các đương sự có giáp mặt đường Quốc lộ 21A bị điều chỉnh lại để đảm bảo tính chính xác. Đối với diện tích tăng thêm, đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định 101/2024/NĐ – CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ, được Ủy ban nhân dân xã P trả lời diện tích tăng thêm thể hiện theo kết quả trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai là diện tích còn lại sau khi bị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi cải tạo Quốc lộ B năm 2014. Như vậy xác định diện tích thửa đất số 127 và thửa đất số 124 do cụ T8 và cụ S1 để lại có diện tích là 4.981,4m² (trong đó có 745m² đất ở và 4.236,4m² đất vườn), trị giá thửa đất là 1.744.184.000đ (theo biên bản định giá tài sản, đất ở có giá là 2.000.000đ/m² và đất vườn có giá 60.000đ/m²).

[2.2]. Về thời điểm mở thừa kế và hàng thừa kế: cụ Đình Công S1 và cụ Bùi Thị T8 không còn cha mẹ đẻ và không có cha mẹ nuôi. Hai cụ có 06 người con là bà Đình Thị V, ông Đình Công H1, bà Đình Thị T, bà Đình Thị T4, bà Đình Thị T3, ông Đình Công L. Ngoài ra, hai cụ không có con đẻ, con nuôi nào khác. Ngày 09/11/1992 cụ T8 chết. Ngày 15/5/1993, cụ S1 chết. Theo quy định tại Điều 611; Điều 613 và khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự, thời điểm mở thừa kế của cụ T8 là ngày 09/11/1992, của cụ S1 là ngày 15/5/1993. Hàng thừa kế của cụ S1, cụ T8 gồm 06 người con là bà Đình Thị V, ông Đình Công H1, bà Đình Thị T, bà Đình Thị T4, bà Đình Thị T3, ông Đình Công L.

Ngày 28/12/2016, ông H1 chết, phân di sản mà ông được hưởng thừa kế của cụ S1, cụ T8 sẽ chuyển sang cho vợ ông là bà Bùi Thị B và 02 người con của ông là anh Đình Công K và anh Đình Công T7 theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà B có ý kiến nếu chồng bà là ông H1 được hưởng thừa kế thì phần của bà được hưởng từ ông H1 sẽ chuyển sang cho anh K, anh T7. Do đó, chấp nhận đề nghị này của bà B.

[2.3]. Về chia di sản thừa kế: cụ S1 và cụ T8 chết không để lại di chúc nên di sản do hai cụ để lại sẽ chia bằng nhau cho những người thừa kế cùng hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự, cụ thể: diện tích do cụ T8 và cụ S1 để lại là 4.981,4m² (trong đó có 745 m² đất ở và 4.236,4m² đất vườn). Mỗi người sẽ được hưởng: 830,23333 m² (làm tròn thành 830.2m² theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư 25/2014/TT – BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T9 quy định về bản đồ địa chính thì diện tích thửa đất “... đơn vị tính là mét vuông (m²), được làm tròn số đến một chữ số thập phân”), trong đó: 124,2m² đất ở (đã làm tròn) và 706m² đất vườn, trị giá là 290.760.000đ của một suất thừa kế theo pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho các đồng thừa kế không bằng nhau, cụ thể: chia cho bà Đình Thị V được quyền sử dụng 626,4m² đất, anh Đình Công K, anh Đình Công T7 phân di sản mà nếu ông Đình Công H1 còn sống sẽ được hưởng diện tích đất là 987,9m²; chia cho bà Đình Thị T là 785,7m²; chia cho bà Đình Thị T4 869,7m²; chia cho bà Đình Thị T3 632,8m²; chia cho ông Đình Công L 1.093.5m² đất. Diện tích đất ở sau khi thu hồi năm 2014 chỉ còn 745m² nên diện tích đất ở chia cho mỗi người thừa kế là 124,2m² (đã làm tròn). Tại cấp phúc thẩm, việc điều chỉnh diện tích thì đối với phần thiếu hụt do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ cung cấp thì thừa chia cho bà T3 bị hụt đi 1,3m², thừa chia cho bà V bị hụt đi 8,6m², của T7 bị hụt đi 1,8m², của anh K bị hụt đi 2,7m², của ông L bị hụt đi là 0,2m². Như vậy, diện tích bị giảm nhưng diện tích được chia

cho ông L, anh K, anh T7 được hưởng vượt quá một suất thừa kế theo luật. Mặc dù, quyền lợi bà T3, bà T4, bà T và bà V bị ảnh hưởng nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bà tự nguyện chấp nhận việc chia của Tòa án sơ thẩm sau khi đã trừ đi phần thiếu hụt này. Ý kiến của bà T3, bà V là tự nguyện và cũng phù hợp với công sức đóng góp giữ gìn tài sản của ông L, anh K, anh T7 và bà T4 nên cần được chấp nhận, cụ thể chia như sau:

Chia cho bà Đinh Thị V được quyền sử dụng 617,8m² đất, trong đó có 124,2 m² đất ở và 493,6m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 278.016.000đ.

Chia cho anh Đinh Công K, anh Đinh Công T7 phần di sản mà nếu ông Đinh Công H1 còn sống sẽ được hưởng, có tổng diện tích đất là 983,4 m², trong đó:

Anh Đinh Công K được quyền sử dụng 601,1m² đất, trong đó 62,1m² đất ở và 539m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 156.540.000đ.

Anh Đinh Công T7 được quyền sử dụng 382,3m² đất, gồm 62,1m² đất ở và 320,2m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 143.412.000đ.

Chia cho bà Đinh Thị T 785,7m² đất; trong đó có 124,2m² đất ở và 661,5m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 288.090.000đ.

Chia cho bà Đinh Thị T4 869,7m² đất, trong đó có 124,2m² đất ở và 745,5m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 293.130.000đ.

Chia cho bà Đinh Thị T3 631,5m² đất, trong đó có 124,2m² đất ở và 507,3m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 278.838.000đ.

Chia cho ông Đinh Công L được quyền sử dụng diện tích 1.093,3m² trong đó có 124,2 m² đất ở và 969.1 đất vườn. Trị giá của thửa đất là 306.546.000đ.

[3]. Về chi phí thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Xác nhận các nguyên đơn đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

Do tổng diện tích (bao gồm cả diện tích đất ở) chia cho từng người thừa kế bị giảm dẫn đến giá trị thửa đất có khác nhau nên cần phải sửa lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Từ nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Đinh Công L, Sửa bản án dân sự sơ thẩm về diện tích chia, án phí.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh K và anh T7 từ bỏ quyền kháng cáo, theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Quốc hội thì số tiền tạm ứng án phí anh K và anh T7 đã nộp được sung vào công quỹ

Nhà nước. Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên ông L không phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 18; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đình Công K và anh Đình Công T7.

Sung vào ngân sách nhà nước số tiền tạm ứng án phí mà anh Đình Công K, anh Đình Công T7 mỗi người đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001990 ngày 04/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

II. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đình Công L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS – ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Phú Thọ) về diện tích chia, án phí, cụ thể:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 74; Điều 217; Điều 147; Điều 155; Điều 157; khoản 2 Điều 165; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 ;

Căn cứ Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường liên quan đến đất tranh chấp do Ủy ban nhân dân huyện L chi trả mà ông Đình Công L, anh Đình Công K đã nhận.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của các nguyên đơn: bà Đình Thị V, bà Đình Thị T, bà Đình Thị T4, bà Đình Thị T3.

* Xác nhận toàn bộ thửa đất số 124 và thửa đất số 127 tờ bản đồ 51 tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có diện tích là 4.981,4m² là di sản thừa kế do các cụ Đình Công S1, Bùi Thị T8 để lại.

* Chia di sản thừa đất số 124 và thửa đất số 127 cho các đồng thừa kế của cụ S1 và cụ T8 như sau:

- Chia cho bà Đinh Thị V được quyền sử dụng 617,8m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A, trong đó có 124,2m² đất ở và 493,6m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 278.016.000đ, (có sơ đồ chia đất kèm theo bản án này, ký hiệu L4).

Bà Đinh Thị V được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do anh Đinh Công K và chị Nguyễn Thị O tạo dựng trên đất được chia và phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Đinh Công K, chị Nguyễn Thị O 38.951.700đ (*Ba mươi tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn, bảy trăm đồng chẵn*).

- Chia cho anh Đinh Công K, anh Đinh Công T7 phần di sản mà nếu ông Đinh Công H1 còn sống sẽ được hưởng, có tổng diện tích đất là 983,4m², trong đó:

+ Anh Đinh Công K được quyền sử dụng 601,1m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A, trong đó 62,1m² đất ở và 539m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 156.548.000đ, (có sơ đồ chia đất kèm theo bản án này, ký hiệu L3).

Anh Đinh Công K và chị Nguyễn Thị O được quyền sở hữu tài sản trên đất được chia và không phải thanh toán cho ai phần giá trị tài sản có trên đất.

+ Anh Đinh Công T7 được quyền sử dụng 382,3m² đất, gồm 62,1m² đất ở và 320,2m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 143.412.000đ. Trong đó có 182,3m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A và 200m² đất bám trục đường xóm. (Có sơ đồ chia đất kèm theo bản án này, ký hiệu L3.1 và L7).

Anh Đinh Công T7, chị Hà Thị K1 được quyền sở hữu tài sản trên đất được chia và không phải thanh toán cho ai phần giá trị tài sản có trên đất.

- Chia cho bà Đinh Thị T (người thừa kế: chị Quách Thị T1, anh Quách Ngọc S và chị Quách Thanh T2) được quyền sử dụng 785,7m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A, trong đó có 124,2m² đất ở và 661,5m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 288.090.000đ, (có sơ đồ chia đất kèm theo bản án này, ký hiệu L1);

Bà Đinh Thị T (người thừa kế: chị Quách Thị T1, anh Quách Ngọc S và chị Quách Thanh T2) được quyền sở hữu đối với tài sản ông Đinh Công L, bà Lưu Thị G gây dựng trên đất và phải thanh toán cho ông Đinh Công L, bà Lưu Thị G 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng chẵn*) giá trị tài sản có trên đất.

- Chia cho bà Đinh Thị T4 được quyền sử dụng 869,7m² đất bám trục đường xóm, trong đó có 124,2m² đất ở và 745,5m² đất vườn. Trị giá của thửa đất 293.130.000đ, (có sơ đồ chia đất kèm theo bản án này, ký hiệu L6).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đinh Công L, bà Lưu Thị G, theo đó, bà Đinh Thị T4 được quyền sở hữu tài sản hiện có trên đất và không phải thanh toán

cho ông Đinh Công L, bà Lưu Thị G giá trị tài sản tồn tại trên đất do gia đình ông L gây dựng mà có.

- Chia cho bà Đinh Thị T3 được quyền sử dụng 631,5m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A, trong đó có 124,2m² đất ở và 507,3m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 278.838.000đ, (có sơ đồ chia đất kèm theo bản án này, ký hiệu L5).

Bà Đinh Thị T3 được quyền sở hữu tài sản có trên đất và phải thanh toán cho anh Đinh Công T7 94.000.000đ (*Chín mươi tư triệu đồng*) giá trị nhà anh T7 xây dựng trên đất và thanh toán cho anh Đinh Công K, chị Nguyễn Thị O 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) giá trị tài sản khác có trên đất.

- Chia cho ông Đinh Công L được quyền sử dụng diện tích 1.093,3m², trong đó có 124,2m² đất ở và 969,1m² đất vườn. Trị giá của thửa đất là 306.546.000đ, trong đó có 793,3m² đất bám trục đường Quốc lộ 21A và 300m² bám trục đường xóm, (có sơ đồ chia đất kèm theo bản án này, ký hiệu L2 và L8).

Ông Đinh Công L, bà Lưu Thị G được sở hữu tài sản tồn tại trên đất được chia và không phải thanh toán cho ai giá trị tài sản tranh lệch giá trị tài sản có trên đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ; Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Đinh Công H1 (Số R 327502; số vào sổ 01830 QSDĐ/H-UBND ngày 19/6/2001); Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Đinh Công L (Số R 327538; số vào sổ 01866 QSDĐ/H-UBND ngày 19/6/2001) và thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận cho phù hợp với bản án của Tòa án.

3. Về chi phí tố tụng: công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn về việc tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Xác nhận các nguyên đơn đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Các bà Đinh Thị V, Đinh Thị T, Đinh Thị T4 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm;

+ Anh Đinh Công K phải chịu 7.827.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

+ Anh Đinh Công T7 phải chịu 7.170.600đ án phí dân sự sơ thẩm;

+ Ông Đinh Công L phải chịu 15.327.300đ án phí dân sự sơ thẩm;

+ Bà Đinh Thị T3 phải chịu 19.941.900đ đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào 30.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005630 ngày 19/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Hoàn trả lại cho bà Đinh Thị T3 số tiền 11.158.100đ.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đinh Công L không phải án phí phúc thẩm dân sự. Hoàn trả lại cho ông Đinh Công L 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001989 ngày 04/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (23/7/2025)./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 17 - Phú Thọ;
- TAND khu vực 17 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu